

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 8 năm 2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thu Hương và ông Nguyễn Văn Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Huế – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2023/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 về Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông Vũ Quốc Tr, sinh năm 1965;

Địa chỉ: thôn B, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: thôn B, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

(tại phiên tòa có mặt ông Vũ Quốc Tr, bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện; bản khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; nguyên đơn là ông Vũ Quốc Tr trình bày: ông và bà Nguyễn Thị H được tự do tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông và bà H chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình. Từ năm 2008 ông và bà H tuy sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Từ năm 2016 thì ông chuyển ra ngoài sinh sống và ông, bà ly thân nhau từ đó cho đến nay, trong thời gian ly thân ông, bà không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục cuộc sống chung nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

Về nuôi con chung: ông và bà Nguyễn Thị H có 02 con chung là cháu Vũ Đức H, sinh ngày 17/4/1990 và cháu Vũ Đức Ph, sinh ngày 28/6/1991. Hiện nay

các cháu đã trưởng thành có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: ông Vũ Quốc Tr không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: ông Vũ Quốc Tr không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản khai; đơn đề nghị bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: bà và ông Vũ Quốc Tr được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 15/11/1989, sau khi kết hôn được khoảng 3 ngày thì bà và ông Tr cãi nhau nên ông Tr đã xé giấy đăng ký kết hôn. Trong thời gian bà và ông Tr chung sống với nhau, ông Tr thường xuyên uống rượu rồi gây sự với bà và các con, thường xuyên đánh đập bà, đỉnh điểm vào ngày 16/6/2021 ông Tr đánh bà và cháu H và Công an đã tiến hành làm việc và xử lý hành chính đối với ông Tr. Bà và ông Tr đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tr.

Về nuôi con chung: bà và ông Vũ Quốc Tr có 02 con chung là cháu Vũ Đức H, sinh ngày 17/4/1990 và cháu Vũ Đức Ph, sinh ngày 28/6/1991. Hiện nay các cháu đã trưởng thành có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: bà Nguyễn Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: bà Nguyễn Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Vũ Quốc Tr yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Nguyễn Thị H. Không yêu cầu giải quyết về nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong cả quá trình giải quyết vụ án là vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Vũ Quốc Tr và bà

Nguyễn Thị H.

Về nuôi con chung: ông Vũ Quốc Tr và bà Nguyễn Thị H có hai con chung là cháu Vũ Đức H, sinh ngày 17/4/1990 và cháu Vũ Đức Ph, sinh ngày 28/6/1991. Hiện nay các cháu đã trưởng thành có khả năng lao động nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: ông Vũ Quốc Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh, ngày 23/6/2023 Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố T để xác định giữa ông Vũ Quốc Tr và bà Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã hay không. Qua tra cứu hồ sơ lưu trữ đăng ký kết hôn được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Q thấy hiện nay Ủy ban nhân dân xã Q chỉ có hồ sơ đăng ký kết hôn từ năm 1999 cho đến nay. Qua rà soát hồ sơ đăng ký kết hôn từ năm 1999 cho đến thời điểm hiện tại thì không có hồ sơ lưu trữ đăng ký kết hôn giữa ông Vũ Quốc Tr, sinh năm 1965, nơi cư trú thôn B, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972, nơi cư trú thôn B, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Vũ Quốc Tr có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà Nguyễn Thị H ở địa chỉ: thôn B, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông Vũ Quốc Tr xác định ông và bà H có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, nhưng không có đăng ký kết hôn, bà Nguyễn Thị H xác định ông, bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã T (Nay là thành phố T) tỉnh Ninh Bình vào ngày 15/11/1989. Tuy nhiên đến nay bà H không có căn cứ gì để xác định giữa bà và ông Tr có đăng ký kết hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố T cung cấp hiện nay Ủy ban nhân dân xã Q chỉ có hồ sơ đăng ký kết hôn từ năm 1999. Qua rà soát hồ sơ đăng ký kết hôn từ năm 1999 đến thời điểm hiện tại không có tài liệu nào thể hiện việc đăng ký kết hôn giữa ông Tr và bà H. Nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định quan hệ hôn nhân của ông Tr, bà H không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình chung sống, giữa ông Tr, bà H luôn xảy ra mâu thuẫn, bất hòa, nên ông Tr làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Quốc Tr, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Vũ Quốc Tr và bà Nguyễn Thị H.

[3] Về nuôi con chung, con riêng

Về con chung: ông Vũ Quốc Tr và bà Nguyễn Thị H đều thống nhất ông bà có hai con chung là cháu Vũ Đức H, sinh ngày 17/4/1990 và cháu Vũ Đức Ph, sinh ngày 28/6/1991. Hiện nay các cháu đã trưởng thành có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con riêng: ông Vũ Quốc Tr và bà Nguyễn Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: ông Vũ Quốc Tr và bà Nguyễn Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông Vũ Quốc Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Vũ Quốc Tr và bà Nguyễn Thị H. Ông Vũ Quốc Tr và bà Nguyễn Thị H phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng

2/ Về nuôi con chung, con riêng: ông Vũ Quốc Tr và bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: ông Vũ Quốc Tr và bà Nguyễn Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Vũ Quốc Tr phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002758 ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự

thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Ông Vũ Quốc Tr đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP T;
- UBND xã Q;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Ngọc Tú